

Số: **8856** /VCB-CL&TKHĐQT
V/v: NQ HĐQT phê duyệt phương án
phát hành trái phiếu VCB theo hình thức
riêng lẻ năm 2026

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Mã chứng khoán: VCB

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243 – 9343137

Email: cltkhdqt.ho@vietcombank.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 20/05/2026, Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) đã ban hành Nghị quyết số 244/NQ-VCB-HĐQT về việc phê duyệt phương án phát hành tối đa 10.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Mười nghìn tỷ đồng) trái phiếu VCB theo hình thức riêng lẻ năm 2026.

3. Thông tin này được đăng tải lên website của Ngân hàng kể từ ngày 21/05/2026 tại đường dẫn: <https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Nha-dau-tu>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, TV BDH;
- Lưu: VT, CL&TKHĐQT.

Đính kèm:

- Nghị quyết số 244/NQ-VCB-HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Thanh Tùng

NGHỊ QUYẾT

V/v phê duyệt phương án phát hành trái phiếu VCB theo hình thức riêng lẻ
năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua theo Nghị quyết số 19/TN2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị VCB (HĐQT) ban hành kèm theo Quyết định số 868/QĐ-VCB-HĐQT ngày 19/05/2026;

Xét Tờ trình ngày 28/04/2026 của Ban Điều hành;

Trên cơ sở thống nhất ý kiến của các thành viên HĐQT tại Biên bản họp số 21H/BB-VCB.HĐQT ngày 20/05/2026 của HĐQT,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu VCB theo hình thức riêng lẻ năm 2026 với nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai thực hiện các công việc liên quan đến phát hành trái phiếu theo phương án được phê duyệt tại Điều 1 đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và quy định nội bộ của VCB, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Quyết định số đợt phát hành trái phiếu, khối lượng phát hành, và thời điểm phát hành của từng đợt;

- Quyết định kỳ hạn, lãi suất phát hành trái phiếu của từng đợt phát hành phù hợp với tình hình thị trường, nhu cầu vốn của VCB tại thời điểm phát hành, quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan trong từng thời kỳ (nếu có). Chi tiết các nội dung của từng đợt phát hành được quyết định và quy định cụ thể tại Bản Công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu;

- Triển khai xây dựng, phê duyệt Bản Công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu và các tài liệu khác liên quan đến các đợt phát hành trái phiếu theo Phương án phát hành được HĐQT phê duyệt;

- Xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện việc đăng ký, lưu ký tập trung và đăng ký giao dịch trái phiếu phù hợp với quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT, TV BĐH;
- TBKS, TV BKS, Kế toán trưởng;
- Phó GDK PT K.VTT;
- P.ALM, P.CSSPV, P.KDSPV, P.KToNB;
- Lưu: B.CLTKHQĐT, VT.



Nguyễn Thanh Tùng



PHỤ LỤC: PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU VCB THEO HÌNH THỨC RIÊNG LẺ NĂM 2026

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 244/NQ-VCB-HĐQT ngày 20/05/2026 của
Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

1. THÔNG TIN CHUNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên doanh nghiệp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCB)
- Loại hình doanh nghiệp: Ngân hàng thương mại cổ phần, công ty đại chúng
- Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Giấy phép thành lập và hoạt động: số 138/GP-NHNN ngày 23/05/2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024
- Vốn điều lệ: 83.556.750.940.000 đồng
- Website: www.vietcombank.com.vn
- Số tài khoản nhận tiền mua trái phiếu:
Số tài khoản: 270310013
Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Mở tại: Trụ sở chính – Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Citad code: 01203001

2. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

VCB phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ năm 2026 (Trái phiếu) để cho vay khách hàng.

3. THUYẾT MINH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Căn cứ quy định tại:

- Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 và Luật số 96/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025) (“**Luật Các TCTD**”);
- Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024) (“**Luật Chứng khoán**”);
- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (“**Nghị định 153**”);
- Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153 (“**Nghị định 65**”);
- Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành của một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (“**Nghị định 08**”);
- Thông tư số 12/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD) mua, bán kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD khác phát hành trong nước; Thông tư số 59/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2021/TT-NHNN (“**Thông tư 12**”);
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 41/2016/TT-NHNN (“**Thông Tư 41**”);
- Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông Tư 14**”);
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN; Thông tư số 26/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN;

Thông tư số 09/2024/TT-NHNN của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 22/2019/TT-NHNN (“**Thông Tư 22**”);

- Thông tư số 07/2012/TT-NHNN ngày 20/03/2012 của NHNN quy định về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được phép hoạt động ngoại hối (“**Thông tư 07**”);
- Thông tư số 82/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 của NHNN quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng (“**Thông tư 82**”);
- Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (“**Thông tư 76**”);
- Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/05/2023 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước (“**Thông Tư 30**”);
- Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được ban hành tại Quyết định số 27/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“**VSDC**”);
- Quy chế đăng ký và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“**HNX**”) được ban hành tại Quyết định 56/QĐ-SGDVN ngày 10/07/2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam,

Tại thời điểm lập Phương án phát hành Trái phiếu VCB theo hình thức riêng lẻ năm 2026 này (sau đây viết tắt là “**Phương án phát hành**”), VCB đáp ứng đầy đủ các điều kiện để phát hành trái phiếu trong nước theo hình thức chào bán riêng lẻ, cụ thể như sau:

TT	Điều kiện phát hành Trái phiếu	Căn cứ và tài liệu chứng minh của VCB	Đánh giá việc đáp ứng điều kiện của VCB
I	Điều kiện chung về phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm theo hình thức chào bán riêng lẻ		
1	Là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu	Theo (i) Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-	Đáp ứng

TT	Điều kiện phát hành Trái phiếu	Căn cứ và tài liệu chứng minh của VCB	Đánh giá việc đáp ứng điều kiện của VCB
	hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.	NHNN ngày 23/05/2008 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 cấp lần đầu ngày 02/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024, VCB là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.	
2	Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.	VCB thanh toán đầy đủ gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu căn cứ theo các Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu trong năm 2023, 2024 và 2025.	Đáp ứng
3	Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	VCB đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật và NHNN (chi tiết tại Mục 6 của Phương án phát hành này).	Đáp ứng
4	Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 13 Nghị định 153. Đồng	Căn cứ Điều lệ mới nhất của VCB, thẩm quyền phê duyệt Phương án phát hành thuộc Hội đồng quản trị VCB.	Đáp ứng

TT	Điều kiện phát hành Trái phiếu	Căn cứ và tài liệu chứng minh của VCB	Đánh giá việc đáp ứng điều kiện của VCB
	thời, Phương án phát hành trái phiếu đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 31 Luật Chứng khoán.	Khi Phương án phát hành này được Hội đồng quản trị VCB phê duyệt được hiểu là VCB đã đáp ứng điều kiện này.	
5	Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định 153 và Nghị định 65.	Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của VCB được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (công ty kiểm toán thuộc danh sách các công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho doanh nghiệp có lợi ích công chúng) nêu ý kiến chấp nhận toàn phần.	Đáp ứng
6	Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 153 và Nghị định 65.	Tại Mục 12 của Phương án phát hành này quy định rõ: Đối tượng mua Trái phiếu do VCB phát hành: nhà đầu tư đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định của pháp luật chứng khoán.	Đáp ứng
7	Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Nghị định 153, phải tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn, thẩm	VCB cam kết đảm bảo tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn, thẩm quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn	Đáp ứng

TT	Điều kiện phát hành Trái phiếu	Căn cứ và tài liệu chứng minh của VCB	Đánh giá việc đáp ứng điều kiện của VCB
	quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.	Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.	
II	Điều kiện phát hành trái phiếu thành nhiều đợt		
1	Các điều kiện phát hành quy định tại Điều 9 Nghị định 153.	Đã đáp ứng theo Mục I nêu trên.	Đáp ứng
2	Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 153.	Tại Mục 4.12 của Phương án phát hành này có nêu rõ nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành Trái phiếu, được Hội đồng quản trị VCB phê duyệt theo Phương án phát hành này.	Đáp ứng
3	Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về khối lượng, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán.	Tại Mục 4 và Mục 13 của Phương án phát hành này đã quy định rõ nội dung dự kiến về khối lượng, thời điểm phát hành và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán.	Đáp ứng
4	Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành	Tại Mục 4 của Phương án phát hành này quy định rõ: VCB đảm bảo thời gian phát hành Trái phiếu của từng đợt không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán và tổng thời gian	Đáp ứng

TT	Điều kiện phát hành Trái phiếu	Căn cứ và tài liệu chứng minh của VCB	Đánh giá việc đáp ứng điều kiện của VCB
	nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.	chào bán Trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.	

VCB cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để phát hành Trái phiếu tại thời điểm phát hành thực tế.

4. ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN TRÁI PHIẾU

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB)
2	Tên gọi Trái phiếu	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam năm 2026
3	Loại hình Trái phiếu	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có bảo đảm
4	Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái phiếu	Việt Nam Đồng (VND)
5	Mệnh giá Trái phiếu	1.000.000.000 VND (một tỷ đồng)/Trái phiếu
6	Giá phát hành	Bằng Mệnh giá (1.000.000.000 VND/Trái phiếu)
7	Khối lượng/Số lượng Trái phiếu phát hành	Tối đa 10.000 (Mười nghìn) Trái phiếu
8	Tổng khối lượng/giá trị Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	Tối đa 10.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Mười nghìn tỷ đồng)
9	Kỳ hạn Trái phiếu	Từ 04 năm trở lên. Kỳ hạn cụ thể của từng đợt phát hành sẽ do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm phát hành căn cứ vào tình hình thị trường và nhu cầu vốn của VCB tại thời điểm phát hành.
10	Hình thức Trái phiếu	Bút toán ghi sổ
11	Thời điểm phát hành	Dự kiến trong năm 2026
12	Dự kiến số lượng đợt phát hành, khối lượng	Dự kiến phát hành tối đa 30 đợt. Khối lượng của từng đợt phát hành theo mệnh giá tối

	<p>và thời điểm phát hành của từng đợt</p>	<p>đa 10.000 tỷ đồng và đảm bảo tổng khối lượng đã phát hành thành công lũy kế của các đợt phát hành theo mệnh giá không vượt quá 10.000 tỷ đồng.</p> <p>Thời gian phát hành dự kiến: trong năm 2026.</p> <p>Thời gian phát hành Trái phiếu của từng đợt không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán và tổng thời gian chào bán Trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.</p> <p>Số lượng đợt phát hành chính thức, khối lượng phát hành và thời điểm phát hành cụ thể của từng đợt do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm phát hành căn cứ vào tình hình thị trường và nhu cầu vốn của VCB.</p>
13	<p>Lãi suất danh nghĩa</p>	<p>Lãi suất Trái phiếu có thể xác định theo phương thức lãi suất cố định hoặc lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.</p> <p>Trường hợp áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất thả nổi được xác định theo công thức sau: Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ.</p> <p>Trong đó, Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường áp dụng cho khách hàng cá nhân bằng Việt Nam Đồng (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam vào ngày xác định lãi suất.</p> <p>Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu (nếu không phải số nguyên) sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân theo nguyên tắc nếu số thứ 3 (ba) phần thập phân lớn hơn hoặc bằng 5 (năm) thì làm tròn lên, nếu số thứ 3 (ba) của phần thập phân nhỏ hơn 5 (năm) thì làm tròn xuống.</p>

		Phương thức lãi suất, Biên độ và mức lãi suất cụ thể tại từng đợt phát hành sẽ do Tổng Giám đốc quyết định trên cơ sở tình hình thị trường, nhu cầu vốn của VCB tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan trong từng thời kỳ (nếu có).
14	Địa điểm phát hành	Phát hành trong phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
15	Các điều kiện, điều khoản khác của Trái phiếu	Được quy định tại Bản công bố thông tin (cùng các phụ lục đính kèm) khi phát hành Trái phiếu

5. ĐIỀU KHOẢN VỀ VIỆC MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN

5.1. Mua lại Trái phiếu trước hạn theo quyền của VCB hoặc quyền của Người sở hữu Trái phiếu

- Mục đích mua lại: VCB mua lại Trái phiếu trước hạn (i) theo quyền của VCB (nhằm đáp ứng nhu cầu cân đối nguồn vốn) hoặc (ii) theo quyền của Người sở hữu Trái phiếu (trường hợp Người sở hữu Trái phiếu có yêu cầu).
- Tổng giá trị Trái phiếu dự kiến mua lại (theo mệnh giá): tối đa bằng tổng mệnh giá Trái phiếu được phát hành.
- Giá mua lại, thời điểm mua lại dự kiến và điều kiện, điều khoản chi tiết của việc mua lại: được quy định cụ thể tại Bản công bố thông tin khi phát hành Trái phiếu.
- Tại từng đợt phát hành cụ thể, Tổng Giám đốc quyết định Trái phiếu phát hành có hoặc không có điều khoản mua lại trước hạn tại Mục 5.1 này tại Bản công bố thông tin khi phát hành Trái phiếu.

5.2. Mua lại Trái phiếu trước hạn bắt buộc theo yêu cầu của Người sở hữu Trái phiếu

Không áp dụng đối với trường hợp Trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định pháp luật liên quan, VCB bắt buộc mua lại Trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người sở hữu Trái phiếu khi:

- VCB vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc

biện pháp khắc phục không được số Người sở hữu Trái phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

- VCB vi phạm Phương án phát hành Trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người sở hữu Trái phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.
- Các trường hợp khác theo quy định tại Bản công bố thông tin khi phát hành Trái phiếu.

Trong trường hợp này, VCB cam kết mua lại toàn bộ Trái phiếu của đợt phát hành có vi phạm đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mua lại bằng tổng của mệnh giá Trái phiếu, lãi phát sinh và các nghĩa vụ thanh toán khác (nếu có) nhưng chưa được thanh toán trên Trái phiếu đó tính đến thời điểm mua lại.

6. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN TRONG 03 NĂM LIÊN KẾ TRƯỚC NĂM PHÁT HÀNH VÀ SỰ THAY ĐỔI SAU KHI PHÁT HÀNH (NẾU CÓ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
A	Các chỉ tiêu riêng lẻ				
I	Vốn chủ sở hữu (VCSH)	tỷ đồng	162.489	192.911	220.701
1	Vốn của TCTD (Vốn đầu tư của CSH)	tỷ đồng	60.887	60.887	88.553
-	Vốn điều lệ	tỷ đồng	55.891	55.891	83.557
-	Thặng dư vốn cổ phần	tỷ đồng	4.995	4.995	4.995
-	Vốn khác	tỷ đồng	0,4	0,4	0,4
2	Quỹ của TCTD	tỷ đồng	27.083	36.655	47.869
-	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	tỷ đồng	9.056	13.997	17.448
-	Quỹ dự phòng tài chính	tỷ đồng	18.027	21.345	21.345
-	Quỹ đầu tư phát triển	tỷ đồng	N/A	1.313	9.077
3	Lợi nhuận chưa phân phối	tỷ đồng	74.519	95.369	84.279
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	tỷ đồng	N/A	N/A	N/A
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	tỷ đồng	N/A	N/A	N/A
II	Tổng số nợ phải trả	tỷ đồng	1.673.609	1.882.868	2.205.948
1	Nợ vay TCTD khác	tỷ đồng	13.423	3.353	1.314
2	Nợ vay từ phát hành trái phiếu (TP)	tỷ đồng	12.094	9.605	9.505
-	TP chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	tỷ đồng	12.094	9.605	9.505
-	TP chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	tỷ đồng	0	0	0
-	TP chào bán ra thị trường quốc tế	tỷ đồng	0	0	0
3	Nợ phải trả khác	tỷ đồng	1.648.092	1.869.910	2.195.129
-	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	tỷ đồng	1.671	78.237	160.128
-	Tiền gửi của các TCTD khác	tỷ đồng	195.387	224.539	307.513

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
-	Tiền gửi của khách hàng	tỷ đồng	1.401.599	1.515.558	1.674.441
-	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	tỷ đồng	118	0	0
-	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	tỷ đồng	0	0,5	0
-	Phát hành giấy tờ có giá (không bao gồm trái phiếu)	tỷ đồng	8.000	14.520	17.596
-	Các khoản nợ khác	tỷ đồng	41.317	37.055	35.451
III	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản	lần	0,91	0,91	0,91
2	Hệ số nợ phải trả/VCSH	lần	10,3	9,76	10
IV	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,8	0,83	0,8
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,8	0,83	0,8
3	Hệ số thanh toán lãi vay	lần	1,75	2,09	1,94
V	Tổng dư nợ vay TP (bao gồm tất cả các hình thức vay TP)/VCSH				
1	Hệ số tổng dư nợ TP doanh nghiệp/VCSH	lần	0,07	0,05	0,04
2	Hệ số dư nợ TP doanh nghiệp riêng lẻ/VCSH	lần	0,07	0,05	0,04
VI	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	40.568	41.279	43.125
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	32.533	33.084	34.507
VII	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	1,77%	1,59%	1,42%
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	20,02%	17,15%	15,64%
B	Các chỉ tiêu hợp nhất				
I	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	165.080	196.209	224.559
1	Vốn của TCTD (Vốn đầu tư của CSH)	tỷ đồng	61.696	61.696	89.362
-	Vốn điều lệ	tỷ đồng	55.891	55.891	83.557
-	Thặng dư vốn cổ phần	tỷ đồng	4.995	4.995	4.995
-	Vốn khác	tỷ đồng	810	810	810
2	Quỹ của TCTD	tỷ đồng	27.447	37.053	48.221
-	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	tỷ đồng	9.138	14.092	17.549
-	Quỹ dự phòng tài chính	tỷ đồng	18.267	21.603	21.614
-	Quỹ đầu tư phát triển	tỷ đồng	42	1.358	9.058
3	Lợi nhuận chưa phân phối	tỷ đồng	76.826	98.332	87.823
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	tỷ đồng	N/A	N/A	N/A
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	tỷ đồng	-983	-968	-919
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	tỷ đồng	94	96	72
II	Tổng số nợ phải trả	tỷ đồng	1.674.644	1.889.664	2.217.720
1	Nợ vay các TCTD khác	tỷ đồng	19.876	11.363	15.255
2	Nợ vay từ phát hành TP	tỷ đồng	11.913	9.605	9.505

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
-	TP chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	tỷ đồng	11.913	9.605	9.505
-	TP chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	tỷ đồng	0	0	0
-	TP chào bán ra thị trường quốc tế	tỷ đồng	0	0	0
3	Nợ phải trả khác	tỷ đồng	1.642.855	1.868.697	2.192.960
-	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	tỷ đồng	1.671	78.237	160.128
-	Tiền gửi của các TCTD khác	tỷ đồng	193.963	223.171	305.903
-	Tiền gửi của khách hàng	tỷ đồng	1.395.698	1.514.665	1.672.535
-	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	tỷ đồng	118	0	0
-	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	tỷ đồng	0	0,5	0
-	Phát hành giấy tờ có giá (không bao gồm TP)	tỷ đồng	8.000	14.520	17.596
-	Các khoản nợ khác	tỷ đồng	43.406	38.103	36.798
III	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản	lần	0,91	0,91	0,91
2	Hệ số nợ phải trả/VCSH	lần	10,14	9,63	9,88
IV	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,8	0,83	0,81
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,8	0,83	0,81
3	Hệ số thanh toán lãi vay	lần	1,76	2,1	1,95
V	Tổng dư nợ vay TP (bao gồm tất cả các hình thức vay TP)/VCSH				
1	Hệ số tổng dư nợ TP doanh nghiệp/VCSH	lần	0,07	0,05	0,04
2	Hệ số dư nợ TP doanh nghiệp riêng lẻ/VCSH	lần	0,07	0,05	0,04
VI	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	41.328	42.236	44.020
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	33.122	33.853	35.198
VII	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	1,80%	1,62%	1,44%
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	20,06%	17,25%	15,67%

(Nguồn: VCB, Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 và 2025 của VCB)

Ghi chú: Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) và hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn) được xác định như sau:
 - + Tài sản ngắn hạn bao gồm các tài sản thuộc các thang kỳ hạn còn lại (KHCL) Đến 1 tháng & Từ trên 1 tháng đến 3 tháng & Từ trên 3 tháng đến 12 tháng.
 - + Hàng tồn kho = 0.
 - + Nợ ngắn hạn bao gồm các khoản nợ phải trả thuộc các thang KHCL Đến 1 tháng & Từ trên 1 tháng đến 3 tháng & Từ trên 3 tháng đến 12 tháng.
- Hệ số thanh toán lãi vay = (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay)/Lãi vay

Sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có): Sau khi phát hành, tổng số nợ phải

trả, tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/Vốn chủ sở hữu sẽ có thể thay đổi phụ thuộc vào kết quả chào bán Trái phiếu thành công và Phương án mua lại trước hạn đối với các trái phiếu đang lưu hành theo phê duyệt. VCB cam kết các chỉ tiêu này bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (tổ chức tín dụng):

TT	Chỉ tiêu ⁽¹⁾	Quy định của NHNN	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	Dự kiến sau phát hành (nếu có)
I	Tỷ lệ khả năng chi trả					
1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	Tối thiểu 10%	19,6%	18,1%	18,7%	> 10%
2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày					
-	Đối với VND	Tối thiểu 50%	105,4%	121,2%	75,00%	> 50%
-	Đối với ngoại tệ quy USD	Tối thiểu 10%	82,1%	128,9%	196,7%	Không đánh giá do TP phát hành bằng VND
II	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu					
1	Riêng lẻ	Tối thiểu 8%	11,05%	11,86%	11,28%	Đáp ứng quy định của NHNN, CAR >8%
2	Hợp nhất	Tối thiểu 8%	11,39%	12,16%	11,56%	
III	Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn (quy VND)	Tối đa 30%	21,1%	20,6%	23,4%	< 30%
IV	Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có					
1	Tổng trạng thái ngoại tệ dương cuối ngày	Tối đa 20% Vốn tự có	0,05%	1,56%	0,02%	0,01% ⁽²⁾
2	Tổng trạng thái ngoại tệ âm cuối ngày	Tối đa 20% Vốn tự có	0,55%	0,07%	0,03%	2,04% ⁽³⁾
3	Trạng thái vàng so với vốn tự có	Tối đa 2% Vốn tự có	Không phát sinh		0,00%	0,00% ⁽⁴⁾
V	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	Tối đa 85%	77,9%	80,4%	81,8%	< 85%
VI	Tỷ lệ mua, đầu tư TP Chính phủ, TP được Chính phủ bảo lãnh	Tối đa 30%	6,3%	5,3%	4,0%	< 30%

¹ Các tỷ lệ được tính tại ngày làm việc cuối cùng của năm theo quy định của NHNN, số liệu khớp với số đã gửi NHNN

² Lấy theo trung bình trạng thái ngày làm việc cuối tháng trong 3 tháng đầu năm 2026

³ Lấy theo trung bình trạng thái ngày làm việc cuối tháng trong 3 tháng đầu năm 2026

⁴ Lấy theo trung bình trạng thái vàng của ngày làm việc trong 3 tháng đầu năm 2026

TT	Chỉ tiêu ⁽¹⁾	Quy định của NHNN	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	Dự kiến sau phát hành (nếu có)
VII	Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng	⁵ Tối đa đối với 01 khách hàng ⁶ Tối đa đối với 01 khách hàng và người có liên quan	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ	Đáp ứng quy định của NHNN
VIII	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của VCB vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của VCB	Không vượt quá 40% VDL và Quỹ dự trữ của VCB	10,08%	10,55%	7,15%	Đáp ứng quy định của NHNN, <40%

Nguồn: VCB

7. TÌNH HÌNH THANH TOÁN LÃI, GỐC TRÁI PHIẾU VCB ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ CÁC KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN (KHÔNG BAO GỒM NỢ TRÁI PHIẾU) TRONG 03 NĂM LIÊN TIẾP TRƯỚC ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

VCB đã thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu VCB đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái phiếu.

8. BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐỐI VỚI CÁC TRÁI PHIẾU CÒN DƯ NỢ ĐẾN 31/12/2025

- Tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành của danh mục trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025: 13.658.140 trái phiếu.
- Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành theo mệnh giá của danh mục trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025: 9.505 tỷ đồng.
- Lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán của danh mục trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025: 1.938,21 tỷ đồng.
- Dư nợ trái phiếu còn lại của danh mục trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025: 9.505 tỷ đồng.

⁵ Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng trên vốn tự có tối đa là: 15% đến trước 1/7/2024; 14% từ 1/7/2024 đến trước 01/01/2026; 13% từ 01/01/2026 đến trước 01/01/2027; 12% từ 01/01/2027 đến trước 01/01/2028; 11% từ 01/01/2028 đến trước 01/01/2029; 10% từ 01/01/2029.

⁶ Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan trên vốn tự có tối đa là: 25% đến trước 1/7/2024; 23% từ 1/7/2024 đến trước 01/01/2026; 21% từ 01/01/2026 đến trước 01/01/2027; 19% từ 01/01/2027 đến trước 01/01/2028; 17% từ 01/01/2028 đến trước 01/01/2029; 15% từ 01/01/2029.

- Tình hình sử dụng vốn trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025: VCB đã sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với các trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025 theo đúng mục đích sử dụng vốn được Hội đồng quản trị VCB phê duyệt tại Phương án phát hành các trái phiếu đó (chi tiết theo Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ tại ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam).
- Kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu:
 - + Lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ hoặc tùy theo quy định cụ thể của VCB tại mỗi đợt phát hành.
 - + Gốc trái phiếu được trả 01 lần vào ngày đáo hạn hoặc khi trái phiếu được VCB mua lại trước hạn hoặc tùy theo quy định cụ thể tại Bản công bố thông tin khi phát hành trái phiếu.
- Các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu: Không có.

9. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN CỦA VCB, KHẢ NĂNG TRẢ NỢ ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU DỰ KIẾN PHÁT HÀNH

Với tiềm lực tài chính vững mạnh, tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2025 đạt 2.442.279 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 đạt 35.198 tỷ đồng (duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 3 năm 2023-2025), VCB đánh giá có đầy đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp và khả năng trả nợ đối với Trái phiếu dự kiến phát hành.

10. Ý KIẾN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BCTC riêng và hợp nhất của VCB năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 của VCB: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, cũng như kết quả hoạt động riêng và hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

11. PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Trái phiếu được phát hành trực tiếp cho nhà đầu tư theo hình thức riêng lẻ, phù hợp với quy định của pháp luật.

12. ĐỐI TƯỢNG CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

Đối tượng mua Trái phiếu do VCB phát hành: nhà đầu tư đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định của pháp luật chứng khoán tại thời điểm chào bán.

13. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

- Số tiền thu được từ phát hành Trái phiếu được sử dụng để cho vay khách hàng. Tiến độ sử dụng số tiền thu được từ phát hành Trái phiếu dự kiến như sau:

Thời gian chào bán	Tiến độ sử dụng vốn
Dự kiến trong năm 2026	Tiến độ sử dụng vốn của từng đợt phát hành Trái phiếu: từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn (nếu có) tùy theo ngày nào đến trước của đợt phát hành đó

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu nếu chưa được sử dụng sẽ tạm thời được giữ dưới dạng tiền mặt, hoặc tiền gửi tại các ngân hàng đại lý bao gồm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc các tổ chức tín dụng khác, hoặc các khoản tương đương tiền.

14. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN LÃI, GỐC TRÁI PHIẾU

14.1. Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán lãi, gốc Trái phiếu

Nguồn để thanh toán gốc và lãi Trái phiếu được lấy từ nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh, nguồn huy động từ nền kinh tế, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp khác của VCB.

14.2. Phương thức thanh toán lãi, gốc Trái phiếu

- Tiền lãi Trái phiếu của mỗi kỳ tính lãi sẽ được thanh toán định kỳ vào ngày thanh toán lãi.
- Khoản gốc của Trái phiếu sẽ được thanh toán một (01) lần bằng 100% mệnh giá vào ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn hoặc ngày mà các Trái phiếu đến

hạn thanh toán do nguyên nhân khác theo các điều kiện, điều khoản Trái phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng).

- Tiền lãi và tiền gốc Trái phiếu sẽ được VCB và/hoặc VSDC thanh toán cho Người sở hữu Trái phiếu theo quy định như sau: (i) đối với Người sở hữu Trái phiếu đã lưu ký tại VSDC, Người sở hữu Trái phiếu nhận lãi và/hoặc gốc Trái phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký; và (ii) đối với Người sở hữu Trái phiếu chưa lưu ký tại VSDC, Người sở hữu Trái phiếu nhận lãi và/hoặc gốc Trái phiếu tại VCB thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản được đăng ký của Người sở hữu Trái phiếu.

15. CAM KẾT CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

VCB cam kết (i) thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành; (ii) chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.

16. CÁC CAM KẾT KHÁC ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ MUA TRÁI PHIẾU (NẾU CÓ)

Được quy định cụ thể tại Bản công bố thông tin khi phát hành Trái phiếu của mỗi đợt chào bán và quy định pháp luật.

17. ĐIỀU KHOẢN VỀ ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ TRÁI PHIẾU

Trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán sẽ được đăng ký, lưu ký tại VSDC theo quy định tại Nghị định 65 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

18. ĐIỀU KHOẢN VỀ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU

- Trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán sẽ được đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của HNX theo quy định tại Nghị định 65 và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- Trái phiếu chỉ được chuyển quyền sở hữu giữa các nhà đầu tư tổ chức đáp ứng điều kiện là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật (nếu có).

19. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ MUA TRÁI PHIẾU

- a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định; được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán Trái phiếu khi có yêu cầu.

- b) Nhà đầu tư được thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi Trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản tại Bản công bố thông tin khi phát hành Trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành tại mỗi đợt chào bán.
- c) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại Trái phiếu trước hạn theo quy định tại Mục 5 Phương án phát hành này.
- d) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản Trái phiếu và các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành trước khi quyết định mua và giao dịch Trái phiếu.
- e) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch Trái phiếu, hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật liên quan.
- f) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch Trái phiếu.
- g) Trước khi mua Trái phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại điểm d), điểm e), điểm f) trên đây theo mẫu quy định tại Nghị định 65 (ngoại trừ trường hợp pháp luật có quy định khác tại thời điểm giao dịch) và tự chịu trách nhiệm đối với quyết định mua Trái phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận này.
- h) Thực hiện giao dịch Trái phiếu theo quy định pháp luật về giao dịch trái phiếu tương ứng; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư Trái phiếu với nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dưới mọi hình thức. Việc huy động vốn và mua, đầu tư Trái phiếu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
- i) Khi bán Trái phiếu trên thị trường thứ cấp, phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị Định 153, nghị Định 65, Nghị Định 08 cho nhà đầu tư mua Trái phiếu.
- j) Có quyền biểu quyết trong đó tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được Người sở hữu Trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số Trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên.
- k) Có quyền được yêu cầu tiếp cận hồ sơ chào bán Trái phiếu của doanh nghiệp trong đó bao gồm hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán Trái phiếu và thực hiện các quyền

lợi, trách nhiệm khác theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 65 và pháp luật liên quan.

- l) Có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập liên quan đến Trái phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- m) Các quyền và trách nhiệm khác (nếu có) theo các điều kiện, điều khoản Trái phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật.

20. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- a) Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm của VCB. Trong trường hợp VCB phá sản, việc thanh toán trong trường hợp phá sản thực hiện theo thứ tự phân chia tài sản theo quy định pháp luật.
- b) Tuân thủ quy định của Nghị Định 153, Nghị Định 65, Nghị Định 08 và Thông tư 76 về việc chào bán trái phiếu.
- c) Có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi Trái phiếu khi đến hạn cho Người sở hữu Trái phiếu và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho Người sở hữu Trái phiếu theo điều kiện, điều khoản tại Bản công bố thông tin khi phát hành Trái phiếu.
- d) Phải quản lý và sử dụng vốn thu từ phát hành Trái phiếu theo đúng Phương án phát hành Trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.
- e) Có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến Phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư.
- f) Mua lại Trái phiếu trước hạn theo quy định tại Mục 5 Phương án phát hành này.
- g) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có) theo các điều kiện, điều khoản Trái phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật.

21. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỪNG TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Theo quy định của pháp luật và theo các hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký kết giữa VCB và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành và giao dịch Trái phiếu.

